

Số: 127 /BC-UBND

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	SỐ 001.767
	20-06-2018
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Tỉnh hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm;
Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2018.

Thực hiện chương trình công tác năm 2018, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch (KH) đầu tư công 06 tháng đầu năm 2018 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm như sau:

I. Công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh:

- Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Bình Dương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 giao chỉ tiêu KH đầu tư công năm 2018 đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư ngay từ đầu năm 2018 để các đơn vị sớm tổ chức thực hiện.
- Nhằm tập trung triển khai thực hiện KH đầu tư công năm 2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 26/01/2018 với 8 nhóm nhiệm vụ giải pháp cần tập trung thực hiện trong năm.
- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, đơn đốc thực hiện công tác đầu tư công của Trung ương, UBND tỉnh đã có văn bản số 1693/UBND-KTTH ngày 24/04/2018 về việc đơn đốc thực hiện KH đầu tư công năm 2018 giao 8 nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện thị tập trung thực hiện.
- UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng Kho Bạc nhà nước tỉnh tổ chức hội nghị báo cáo sơ kết tình hình đầu tư công 06 tháng đầu năm 2018 cho 8 đơn vị chủ đầu tư (có KH vốn trên 50 tỷ đồng) và 09 huyện, thị xã, thành phố nhằm nắm bắt tình hình thực hiện và các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị.

II. Kết quả thực hiện và giải ngân KH đầu tư công 06 tháng đầu năm 2018:

Tổng vốn KH đầu tư công năm 2018 (kể cả vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) là 7.478 tỷ 578 triệu đồng. Tổng khối lượng thực hiện đến 31/05 là 1.596 tỷ 152 triệu đồng, đạt 21,3%KH, ước giá trị khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 2.309 tỷ 518 triệu đồng, đạt 30,9%KH¹.

¹ Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/05/2018 và Ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06/2018 được tổng hợp trên cơ sở báo cáo của 30/35 chủ đầu tư (05 CĐT chưa có BC chính thức: UBND Tp.TDM; huyện Dầu Tiếng; Sở LĐT&XH; Sở TT-TT; Tỉnh đoàn Bình Dương).

Tổng giá trị giải ngân đến 31/05 là 1.106 tỷ 586 triệu đồng, đạt 14,8%²KH², cùng kỳ năm 2017 đạt 13,7%KH. Kết quả thực hiện theo các nguồn vốn, ngành, lĩnh vực theo Phụ lục I đính kèm.

1. Vốn ngân sách Trung ương:

Tổng vốn ngân sách Trung ương là 978 tỷ 578 triệu đồng, chiếm 13,1% KH đầu tư công năm 2018, bao gồm: vốn nước ngoài (ODA) là 931 tỷ 594 triệu đồng, vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở là 5 tỷ 884 triệu đồng, vốn chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng là 41 tỷ đồng.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/05 là 410 tỷ 809 triệu đồng, đạt 42%KH, ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 437 tỷ 508 triệu đồng, đạt 44,7%KH. Giải ngân đến 31/05 là 105 tỷ 656 triệu đồng, đạt 10,8%KH, đạt thấp hơn mức trung bình chung của tỉnh do:

- Các dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA): Chủ yếu bố trí cho dự án Cải thiện môi trường nước nam Bình Dương – Giai đoạn II (908 tỷ đồng), dự án đang có khối lượng thực hiện theo tiến độ tuy nhiên do chủ đầu tư tập trung việc cung cấp hồ sơ thanh tra, kiểm toán đối với dự án mất 2 tháng nên chậm làm thủ tục giải ngân. Ước giải ngân trong tháng 6 đạt khá và dự kiến khối lượng thực hiện và giải ngân hoàn thành KH cả năm.

- Dự án sử dụng vốn chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng: Đường Mỹ Phước – Tân Vạn nối dài đang thực hiện kiểm kê, áp giá đền bù, lựa chọn nhà thầu thi công, dự kiến chi đền bù và khởi công trong tháng 6/2018, ước giải ngân đến cuối năm đạt KH.

- Vốn hỗ trợ cho người có công với cách mạng về nhà ở: Do đây là năm đầu tiên Trung ương giao KH từ nguồn vốn đầu tư công nên chưa có hướng dẫn thực hiện cụ thể, UBND tỉnh đã có 02 văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị hướng dẫn nhưng chưa có văn bản trả lời. Đến nay tỉnh đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở tại văn bản 1366/UBND-KTTH ngày 04/04/2018, dự kiến trong quý III sẽ giải ngân nguồn vốn này.

2. Vốn ngân sách địa phương:

Tổng vốn ngân sách địa phương là 6.500 tỷ đồng, chiếm 86,9% KH đầu tư công năm 2018. Tổng khối lượng thực hiện đến 31/05 là 1.185 tỷ 343 triệu đồng, đạt 18,2%KH, ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 1.872 tỷ 010 triệu đồng, đạt 28,8%KH. Giải ngân đến 31/05 là 1.000 tỷ 930 triệu đồng, đạt 15,4%KH.

a) Kết quả thực hiện nguồn vốn ngân sách địa phương theo các ngành, lĩnh vực như sau:

² Giải ngân đến 31/05/2018 tổng hợp trên cơ sở báo cáo giải ngân chi tiết của Kho bạc nhà nước tỉnh.

Stt	Danh mục	Kế hoạch 2018 (3609/QĐ -UBND)	Thực hiện đến ngày 31/05/2018.		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/06 (CĐT)	Tỷ lệ (%)		% Ước KL nghiệm thu đến 30/6
			KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH /KH	GTCP/ KH	
	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	6.500.000	1.185.343	1.000.930	1.872.010	18,2	15,4	28,8
I	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	5.240.000	970.326	735.725	1.606.087	18,5	14	30,7
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1+2)	3.323.000	721.158	435.982	1.112.861	21,7	13,1	33,5
a	Chuẩn bị đầu tư	44.410	2.611	2.015	3.689	5,9	4,5	8,3
b	Thực hiện dự án	3.278.590	718.547	433.967	1.109.172	21,9	13,2	33,8
	Hạ tầng kinh tế	2.283.240	517.419	280.879	732.811	22,7	12,3	32,1
	Hạ tầng văn hóa xã hội	559.600	128.535	72.878	239.158	23	13	42,7
	QLNN – QP - AN	435.750	72.593	80.210	137.203	16,7	18,4	31,5
2	Vốn xỏ số kiến thiết	1.300.000	162.289	189.418	281.226	12,5	14,6	21,6
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	415.400	28.638	19.518	29.700	6,9	4,7	7,1
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	884.600	133.651	169.900	251.526	15,1	19,2	28,4
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	617.000	86.879	110.325	212.000	14,1	17,9	34,4
II	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ CẤP HUYỆN	1.260.000	215.017	265.205	265.923	17,1	21	21,1

b) Kết quả thực hiện các nguồn vốn huyện, thị xã, thành phố làm chủ đầu tư:

Tổng các nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và phân cấp cho cấp huyện là 3.153 tỷ 175 triệu đồng, chiếm 48,5% vốn ngân sách địa phương năm 2018, bao gồm: Vốn ngân sách tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư là 391 tỷ 575 triệu đồng; nguồn vốn xỏ số kiến thiết cấp huyện làm chủ đầu tư là 884 tỷ 600 triệu đồng; vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cấp huyện là 617 tỷ đồng và vốn phân cấp theo tiêu chí cho cấp huyện là 1.260 tỷ đồng.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/05 là 470 tỷ 345 triệu đồng, đạt 14,9% KH, ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 899 tỷ 758 triệu đồng, đạt 28,5% KH. Giải ngân đến 31/05 là 586 tỷ 881 triệu đồng, đạt 18,6% KH.

(Chi tiết theo Phụ lục II-III đính kèm)

- *Vốn xỏ số kiến thiết cấp huyện làm chủ đầu tư:* Khối lượng thực hiện đến 31/05 là 133 tỷ 651 triệu đồng, đạt 15,1% KH, ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 251 tỷ 526 triệu đồng, đạt 28,4% KH.

Giải ngân đến 31/05 là 169 tỷ 900 triệu đồng, đạt 19,2%KH. Các địa phương giải ngân thấp là: Tx. Thuận An (4,9%); Tx. Dĩ An (5,1%); Tp. Thủ Dầu Một (9,1%); Huyện Bắc Tân Uyên (10,3%); Huyện Bàu Bàng (10,9%).

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2018 (3609/QĐ-UBND)	Thực hiện đến ngày 31/05/18		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/06 (CĐT)	Tỷ lệ (%)		% Ước KL nghiệm thu đến 30/6
			KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH /KH	GTGN /KH	
	TỔNG CỘNG	884.600	133.651	169.900	251.526	15,1	19,2	28,4
1	Tp. Thủ Dầu Một	147.600	11.748	13.498	19.755	8,0	9,1	13,4
2	Thị xã Thuận An	123.000	9.621	6.005	25.055	7,8	4,9	20,4
3	Thị xã Dĩ An	85.000	4.390	4.296	6.190	5,2	5,1	7,3
4	Thị xã Tân Uyên	230.000	59.859	81.843	94.674	26,0	35,6	41,2
5	Huyện Bắc Tân Uyên	68.000	5.207	7.011	5.800	7,7	10,3	8,5
6	Thị xã Bến Cát	57.400	0	12.988	19.670	0	22,6	34,3
7	Huyện Bàu Bàng	53.000	229	5.791	16.500	0,4	10,9	31,1
8	Huyện Phú Giáo	61.000	16.344	12.094	29.784	26,8	19,8	48,8
9	Huyện Dầu Tiếng	59.600	26.253	26.374	34.078	44,0	44,3	57,2

- *Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện:* Khối lượng thực hiện đến 31/05 là 86 tỷ 879 triệu đồng, đạt 14,1% KH, ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 212 tỷ đồng, đạt 34,4% KH.

Giải ngân đến 31/05 là 110 tỷ 325 triệu đồng, đạt 17,9% KH. Các địa phương giải ngân thấp là: Phú Giáo (0,5%); Huyện Bắc Tân Uyên (4,2%); Tx. Tân Uyên (6,2%); ; Huyện Dầu Tiếng (7,1%); Tp. Thủ Dầu Một (8,2%).

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2017 (3609/QĐ-UBND)	Thực hiện đến ngày 31/05/18		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/06 (CĐT)	Tỷ lệ (%)		% Ước KL nghiệm thu đến 30/6
			KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH H/KH	GTGN /KH	
	TỔNG CỘNG	617.000	86.879	110.325	212.000	14,1	17,9	34,4
1	Tp. Thủ Dầu Một	175.000	14.312	14.395	37.708	8,2	8,2	21,5
2	Thị xã Thuận An	76.000	28.258	28.310	38.258	37,2	37,3	50,3
3	Thị xã Dĩ An	40.000	14.380	14.380	17.880	36,0	36,0	44,7
4	Thị xã Tân Uyên	61.000	3.094	3.762	20.352	5,1	6,2	33,4
5	Huyện Bắc Tân Uyên	55.000	2.389	2.312	2.389	4,3	4,2	4,3
6	Thị xã Bến Cát	67.000	16.628	16.666	22.600	24,8	24,9	33,7
7	Huyện Bàu Bàng	55.000	3.337	27.173	33.786	6,1	49,4	61,4
8	Huyện Phú Giáo	44.000	860	222	25.944	2,0	0,5	59
9	Huyện Dầu Tiếng	44.000	3.621	3.105	13.083	8,2	7,1	29,7

- *Vốn phân cấp theo tiêu chí cho cấp huyện:* Khối lượng thực hiện đến 31/05 là 215 tỷ 017 triệu đồng, đạt 17,1% KH, ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 265 tỷ 923 triệu đồng, đạt 21,1% KH.

Giải ngân đến 31/05 là 265 tỷ 205 triệu đồng, đạt 21% KH. Các địa phương giải ngân thấp là: Tx Thuận An (9,5%); Tp. Thủ Dầu Một (11,1%); Tx Dĩ An (13,5%).

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2017 (3609/QĐ-UBND)	Thực hiện đến ngày 31/05/18		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/06 (CĐT)	Tỷ lệ (%)		% Ước KL nghiệm thu đến 30/6
			KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/ KH	GTCP/ KH	
	Tổng	1.260.000	215.017	265.205	265.932	17,1	21,0	21,1
1	Tp.Thủ Dầu Một	209.088	16.875	23.214	30.580	8,1	11,1	14,6
2	Thị xã Thuận An	250.885	15.749	23.749	23.850	6,3	9,5	9,5
3	Thị xã Dĩ An	242.723	33.094	32.785	33.094	13,6	13,5	13,6
4	Thị xã Tân Uyên	96.336	12.887	37.473	12.887	13,4	38,9	13,4
5	Huyện Bắc Tân Uyên	83.749	28.556	23.705	35.784	34,1	28,3	42,7
6	Thị xã Bến Cát	102.890	24.836	38.771	32.422	24,1	37,7	31,5
7	Huyện Bàu Bàng	78.525	9.448	17.522	9.448	12,0	22,3	12
8	Huyện Phú Giáo	93.272	36.681	31.275	41.335	39,3	33,5	44,3
9	Huyện Dầu Tiếng	102.532	36.891	36.711	46.523	36,0	35,8	45,4

- *Vốn tỉnh tập trung do các huyện, thị xã, thành phố làm chủ đầu tư:*
Khối lượng thực hiện đến 31/05 là 215 tỷ 017 triệu đồng, đạt 17,1% KH, ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06 đạt 265 tỷ 923 triệu đồng, đạt 21,1% KH.

Giải ngân đến 31/05 là 265 tỷ 205 triệu đồng, đạt 21% KH. Các địa phương giải ngân thấp là: Thị xã Thuận An (0%); Thị xã Bến Cát (0%); huyện Bàu Bàng (0,8%); huyện Dầu Tiếng (0,5%); Thị xã Tân Uyên (1,6%); huyện Bắc Tân Uyên (2%).

S T T	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018		Ước KLNT đến 30/6 (CĐT)	Tỷ lệ (%)		Ước KLNT/ KH đến 30/6
			KLTH (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/ KH	GTGN/ KH	
	Tổng	391.575	40.988	41.451	134.232	10,5	10,6	34,3
1	Tp. Thủ Dầu Một	181.000	24.901	24.900	56.401	13,8	13,8	31,2
2	Thị xã Thuận An	800	800	0	800	100,0	0,0	100,0
3	Thị xã Dĩ An	52.960	8.090	8.090	8.144	15,3	15,3	15,4
4	Thị xã Tân Uyên	9.500	0	151	151	0,0	1,6	1,6
5	Huyện Bắc Tân Uyên	52.415	3.315	1.036	4.315	6,3	2,0	8,2
6	Thị xã Bến Cát	6.500	0	0	3.700	0,0	0,0	56,9
7	Huyện Bàu Bàng	50.600	395	395	50.600	0,8	0,8	100,0
8	Huyện Phú Giáo	30.700	3.487	6.846	10.021	11,4	22,3	32,6
9	Huyện Dầu Tiếng	7.100	0	33	100	0,0	0,5	1,4

c) Tình hình thực hiện KH đầu tư công của các chủ đầu tư:

Ngoài 9 huyện, thị xã, thành phố, trong KH đầu tư công năm 2018, UBND tỉnh đã bố trí vốn và giao nhiệm vụ cho 26 đơn vị làm chủ đầu tư 169 dự án với tổng số vốn đầu tư là 3.346 tỷ 825 triệu đồng, chiếm 51,5% vốn ngân sách địa phương.

- 15 chủ đầu tư có vốn trên 10 tỷ đồng với tổng vốn bố trí cho 150 dự án là 3.322 tỷ 880 triệu đồng chiếm 51,1% vốn ngân sách địa phương.

Giá trị giải ngân đến ngày 31/05 là 413 tỷ 348 triệu đồng, đạt 12,4%KH. Có 6/15 chủ đầu tư giải ngân đạt khá³, còn lại tiến độ giải ngân còn chậm, một số chủ đầu tư giải ngân đạt thấp như:

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (KH: 1.880,5 tỷ; giải ngân: 4,2%): do tiến độ 9 dự án đền bù (chiếm 53,6% vốn) giải ngân đạt thấp; Dự án bệnh viện 1.500 giường còn trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu; Một số dự án phối hợp nghiệm thu, thanh quyết toán giữa đơn vị thi công và tư vấn giám sát chưa đồng bộ và kịp thời; Nhiều dự án giao thông, thiết bị y tế đang chuẩn bị đầu tư đang xác định được hướng tuyến, danh mục thiết bị y tế.

- Công an tỉnh (KH: 221,1 tỷ; giải ngân 5,9%): trong năm 2017 đã tạm ứng hợp đồng lớn nên những tháng đầu năm 2018 chủ yếu thi công để hoàn ứng khối lượng; 05 công trình tạm, tạm giữ thi công chậm do đặc thù phải vừa thi công vừa đảm bảo công tác quản lý phạm nhân.

- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (KH: 73,1 tỷ; giải ngân: 0%): các dự án đang thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu thi công nên chưa giải ngân, dự kiến trong quý III có kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ tiến hành tạm ứng hợp đồng thi công, giải ngân theo tiến độ.

- Bệnh viện đa khoa tỉnh (KH: 39,9 tỷ; giải ngân 0,2%): các dự án đang thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị, ứng dụng CNTT nên chưa có khối lượng giải ngân, dự kiến trong quý IV sẽ có kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Các chủ đầu tư còn lại có tỷ lệ giải ngân đạt thấp chủ yếu do: dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án; dự án đang thi công hoàn ứng hợp đồng đã ký cuối năm 2017; dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.

- 10 chủ đầu tư có vốn dưới 10 tỷ đồng với tổng vốn bố trí cho 19 dự án là 23 tỷ 945 triệu đồng chiếm 0,37% vốn ngân sách địa phương.

Giá trị giải ngân đến ngày 31/05 là 701 triệu đồng, đạt 2,9%KH. Có 1/10 chủ đầu tư giải ngân đạt khá (Bệnh viện Y học cổ truyền BD – 31,8%), còn lại tiến độ giải ngân còn chậm do chủ yếu là các dự án chuẩn bị đầu tư, dự án công nghệ thông tin, sửa chữa cải tạo,...thực hiện hoàn thành trong năm nên chưa có khối lượng.

d) Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm theo Chương trình 23-CTr/TU ngày 16 tháng 08 năm 2016 của Tỉnh ủy và Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh:

³ Công ty CP nước và MT BD (28,2%); Cảnh sát PCCC (47,1%); Trung tâm đầu tư khai thác nước sạch (43,3%); Đài PT&TH BD (39,7%); Trường CĐ Y tế BD (28,9%); Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh (39,7%).

KH năm 2018 bố trí cho 45 dự án với tổng vốn bố trí là 2.996 tỷ 475 triệu đồng, khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2018 là 463 tỷ 149 triệu đồng, đạt 15,5%KH. Ước khối lượng nghiệm thu đến 30/06/2018 đạt 705 tỷ 646 triệu đồng, đạt 23,5%KH. Giá trị giải ngân đến 31/05 là 321 tỷ 801 triệu đồng, đạt 10,7%KH.

(Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm)

e) Tình hình thực hiện các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng:

KH năm 2018 bố trí 10 dự án đền bù, giải phóng mặt bằng với tổng vốn bố trí là 849 tỷ 130 triệu đồng, đến ngày 31/05/2018 giá trị giải ngân đạt 17 tỷ 597 triệu đồng, đạt 2,1%KH. Ước khối lượng nghiệm thu đến ngày 30/06/2018 đạt 82 tỷ 370 triệu đồng, đạt 9,7%KH.

(Chi tiết theo Phụ lục V đính kèm)

g) Tình hình thực hiện các dự án KH đầu tư công năm 2017, kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2018: Có tổng số 14 dự án được bố trí KH đầu tư công năm 2017 kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2018 với tổng vốn bố trí là 427 tỷ 580 triệu đồng, giá trị giải ngân đến ngày 31/05/2018 là 75 tỷ 103 triệu đồng, đạt 18%KH.

(Chi tiết theo Phụ lục VI đính kèm)

3. Nhận xét chung những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Nhận xét chung:

- Tỷ lệ giải ngân chung toàn tỉnh vẫn đạt rất thấp (14,8%), tăng 2,8% so với thời điểm 14/05/2018 (đạt 12%); cùng kỳ năm 2017 đạt 13,7%.
- 10 dự án đền bù, giải phóng mặt bằng với tổng vốn bố trí trong KH 2018 là 849 tỷ 130 triệu đồng. Đến nay, chỉ có 02 dự án đang giải ngân với tổng vốn giải ngân là 17 tỷ 597 triệu đồng, đạt 2,1% so với KH.
- Các dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tổng vốn bố trí KH là 1.880 tỷ 486 triệu đồng (chiếm 28,9% vốn ngân sách tỉnh). Giải ngân là 78 tỷ 596 triệu đồng, đạt 4,2% KH.
- Có 279/324 dự án đến nay chưa giải ngân với tổng vốn bố trí là 1.341 tỷ 587 triệu đồng. Trong đó, vốn tỉnh tập trung có 115/187 dự án chưa giải ngân với tổng vốn bố trí KH là 995 tỷ 334 triệu đồng, vốn xổ số kiến thiết có 37/75 dự án chưa giải ngân với tổng vốn bố trí KH là 186 tỷ 345 triệu đồng; vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện có 27/58 dự án chưa giải ngân với tổng vốn bố trí KH là 160 tỷ 178 triệu đồng.

b) Nguyên nhân tiến độ thực hiện KH đầu tư công 06 tháng đạt thấp:

- Đa số các dự án mới lựa chọn nhà thầu, tạm ứng hợp đồng trong quý IV/2017 đang tập trung thực hiện những tháng đầu năm 2018 để có khối lượng hoàn ứng cho KH năm 2017 nên chưa có khối lượng và thanh toán trong năm.

- Các dự án chưa giải ngân chủ yếu là các dự án chuẩn bị đầu tư đang triển khai công tác lập và trình thẩm định dự án, một số dự án đền bù đang trình phê duyệt phương án bồi thường và những dự án thực hiện đang trình phê duyệt thiết kế - tổng dự toán hoặc trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu nên chưa có khối lượng giải ngân.

- Một số dự án chậm bàn giao mặt bằng do vướng mắc trong công tác đền bù dẫn đến việc triển khai thực hiện dự án chậm so với tiến độ được phê duyệt và so với KH vốn được giao.

- Các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng được bố trí vốn lớn từ đầu năm (10 danh mục dự án với tổng vốn bố trí là 849 tỷ 130 triệu đồng, chiếm 25,5% vốn ngân sách tỉnh tập trung; ngoài ra còn một số dự án hỗn hợp còn vướng công tác đền bù như: trục thoát nước Suối Giữa, trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, Thoát nước Chòm Sao - Suối Đồn,...) nhưng triển khai thực hiện chậm do chủ đầu tư không trực tiếp thực hiện mà do UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai nên công tác phối hợp còn hạn chế, mặt khác, trình tự thủ tục đền bù phức tạp nên triển khai chậm.

- Các Chủ đầu tư chưa tập trung, quyết liệt trong việc theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các khâu từ chuẩn bị đầu tư đến đấu thầu triển khai thực hiện dự án. Chưa theo dõi, kiểm tra sát sao từng dự án trước khi trình cơ quan thẩm định dẫn đến hồ sơ dự án kém chất lượng, phải trả lại nhiều lần làm quá trình chuẩn bị đầu tư mất nhiều thời gian; hồ sơ dự án thường dồn vào thời điểm cuối tháng 10 gây áp lực công việc lên cơ quan thẩm định dẫn đến hồ sơ được phê duyệt còn thiếu sót, công trình phải điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh dự toán làm tăng tổng mức đầu tư trong quá trình triển khai thi công.

- Đa số nhà thầu thi công, chủ đầu tư chậm làm thủ tục nghiệm thu, thanh toán còn tình trạng để dồn khối lượng thanh toán vào cuối năm. Chưa chủ động phối hợp chặt chẽ với Kho bạc nhà nước để xử lý các vướng mắc, phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi.

- Phối hợp giữa Chủ đầu tư với các Sở, ngành trong công tác báo cáo chưa kịp thời, các đơn vị chủ yếu giao cho các bộ phận kỹ thuật lập báo cáo qua hệ thống bảng biểu, chưa phân tích, đánh giá chung được tình hình thực hiện cũng như các nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến việc chậm tiến độ thực hiện dự án.

III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm:

1. Nhiệm vụ:

- Nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện KH phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 26/01/2018 của UBND tỉnh về việc tập trung triển khai thực hiện KH đầu tư công năm 2018; phân đầu thực hiện và giải ngân KH đầu tư công năm 2018 đạt KH đề ra.

- Các Chủ đầu tư các đơn vị liên quan sử dụng vốn ngân sách Trung ương (Vốn ODA, hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, chương trình mục tiêu) tiếp tục tập trung thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

- Tập trung đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn các công trình quan trọng, trọng điểm của tỉnh; các đơn vị chủ động nghiên cứu, đề xuất kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công – tư, xã hội hóa nhằm góp phần huy động và phát huy các nguồn lực từ các thành phần kinh tế để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Chủ đầu tư đôn đốc nhà thầu tập trung hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán vốn, không để dồn khối lượng vào cuối năm đặc biệt là các công trình có khối lượng đền bù, giải tỏa lớn; thực hiện các thủ tục hoàn trả tạm ứng theo quy định. Kho bạc nhà nước thanh toán cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh rút ngắn thời gian kiểm soát chi.

- Các Chủ đầu tư kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành và các cơ quan có liên quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ.

- Các ngành, các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu được định hướng, mục tiêu và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng để tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Rà soát danh mục các công trình đang thực hiện các thủ tục quyết toán, đã được phê duyệt quyết toán để đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo thời gian quy định các dự án

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí.

2. Một số giải pháp cụ thể:

- Thực hiện điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020, điều chỉnh KH đầu tư công năm 2018 phù hợp theo khả năng cân đối nguồn vốn và tình hình triển khai thực hiện dự án.

- Đến 30/9/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát các dự án giải ngân dưới 50% mà chủ đầu tư không có báo cáo, giải trình lý do khách quan để tham mưu UBND tỉnh điều chuyển giảm kế hoạch vốn, ưu tiên bổ sung cho các dự án có khối lượng thực hiện.

- Sở Tài chính phối hợp với Kho Bạc nhà nước tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh không bố trí vốn đối với các dự án chậm nộp quyết toán theo quy định tính đến ngày 30/09/2018.

- Các sở chuyên ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố được phân cấp, ủy quyền thẩm định, quyết định đầu tư cần tập trung đẩy nhanh công tác thẩm định, quyết định đầu tư theo quy định.

Trên đây là tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2018, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT và các PCT;
- Sở KHĐT, Sở TC;
- LĐVP (Lg), Thg, TH;
- Lưu: VT *ph 2*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm



Phụ lục I

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 06 THÁNG NĂM 2018
 (Kèm theo Báo cáo số 127 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018			Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)				Ghi chú
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Khối lượng nghiệm thu (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/ KH	KLNT/ KH	GTGN/ KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)= (5)/(4)	(10)= (6)/(4)	(11)= (7)/(4)	(12)= (8)/(4)	
	TỔNG CỘNG (A+B)	324	7.478.578	1.596.152	1.374.774	1.106.586	2.309.518	21,3	18,4	14,8	30,9	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4	978.578	410.809	392.030	105.656	437.508	42,0	40,1	10,8	44,7	
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	931.594	392.030	392.030	105.656	415.524	42,1	42,1	11,3	44,6	
II	VỐN TRONG NƯỚC	2	46.984	18.779	-	-	21.984	40,0	-	-	46,8	
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	-	5.984	5.984	-	-	5.984	100,0	-	-	100,0	
2	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	2	41.000	12.795	-	-	16.000	31,2	-	-	39,0	
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	320	6.500.000	1.185.343	982.744	1.000.930	1.872.010	18,2	15,1	15,4	28,8	
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	320	5.240.000	970.326	785.322	735.725	1.606.087	18,5	15,0	14,0	30,7	
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	187	3.323.000	721.158	567.931	435.982	1.112.861	21,7	17,1	13,1	33,5	
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	59	44.410	2.611	417	2.015	3.689	5,9	0,9	4,5	8,3	
a	Hạ tầng kinh tế	25	22.760	2.406	417	1.230	2.465	10,6	1,8	5,4	10,8	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	14	17.400	5	-	300	507	0,0	-	1,7	2,9	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	20	4.250	200	-	485	717	4,7	-	11,4	16,9	
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	128	3.278.590	718.547	567.514	433.967	1.109.172	21,9	17,3	13,2	33,8	
a	Hạ tầng kinh tế	53	2.283.240	517.419	450.341	280.879	732.811	22,7	19,7	12,3	32,1	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	51	559.600	128.535	90.367	72.878	239.158	23,0	16,1	13,0	42,7	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	24	435.750	72.593	26.806	80.210	137.203	16,7	6,2	18,4	31,5	
2	Vốn xố số kiến thiết (a+b)	75	1.300.000	162.289	131.149	189.418	281.226	12,5	10,1	14,6	21,6	
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	6	415.400	28.638	22.248	19.518	29.700	6,9	5,4	4,7	7,1	
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	69	884.600	133.651	108.901	169.900	251.526	15,1	12,3	19,2	28,4	
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	58	617.000	86.879	86.242	110.325	212.000	14,1	14,0	17,9	34,4	
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	-	1.260.000	215.017	197.422	265.205	265.923	17,1	15,7	21,0	21,1	

Ghi chú:

- Cột (5), (6), (8) tổng hợp số liệu từ 29/35 chủ đầu tư có báo cáo chính thức.
- Cột (7): tổng hợp từ báo cáo chi tiết tình hình giải ngân các dự án của Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Dương.



Phụ lục II

TỈNH BÌNH DƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 06 THÁNG NĂM 2018
PHÂN THEO CÁC NGUỒN VỐN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018			Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)				Ghi chú
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Khối lượng nghiệm thu (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/ KH	KLNT/ KH	GTGN/ KH	Ước KLNT/ KH đến 30/6	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)= (5)/(4)	(10)= (6)/(4)	(11)= (7)/(4)	(12)= (8)/(4)	
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	127	2.761.600	435.547	392.565	545.430	729.449	15,8	14,2	19,8	26,4	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	-	1.260.000	215.017	197.422	265.205	265.923	17,1	15,7	21,0	21,1	
	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	58	617.000	86.879	86.242	110.325	212.000	14,1	14,0	17,9	34,4	
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	69	884.600	133.651	108.901	169.900	251.526	15,1	12,3	19,2	28,4	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	27	531.688	42.935	40.201	51.107	88.063	8,1	7,6	9,6	16,6	
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		209.088	16.875	14.141	23.214	30.580	8,1	6,8	11,1	14,6	
1.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	14	175.000	14.312	14.312	14.395	37.708	8,2	8,2	8,2	21,5	
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	147.600	11.748	11.748	13.498	19.775	8,0	8,0	9,1	13,4	
2	Thị xã Thuận An	12	449.885	53.628	53.036	58.064	87.163	11,9	11,8	12,9	19,4	
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		250.885	15.749	15.749	23.749	23.850	6,3	6,3	9,5	9,5	
2.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	4	76.000	28.258	28.258	28.310	38.258	37,2	37,2	37,3	50,3	
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	8	123.000	9.621	9.029	6.005	25.055	7,8	7,3	4,9	20,4	
3	Thị xã Dĩ An	12	367.723	51.864	49.406	51.461	57.164	14,1	13,4	14,0	15,5	
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		242.723	33.094	30.730	32.785	33.094	13,6	12,7	13,5	13,6	
3.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	40.000	14.380	14.380	14.380	17.880	36,0	36,0	36,0	44,7	
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	9	85.000	4.390	4.296	4.296	6.190	5,2	5,1	5,1	7,3	
4	Thị xã Tân Uyên	16	387.336	75.840	51.135	123.078	127.913	19,6	13,2	31,8	33,0	
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		96.336	12.887	7.996	37.473	12.887	13,4	8,3	38,9	13,4	
4.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	6	61.000	3.094	3.094	3.762	20.352	5,1	5,1	6,2	33,4	
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	230.000	59.859	40.045	81.843	94.674	26,0	17,4	35,6	41,2	
5	Huyện Bắc Tân Uyên	9	206.749	36.152	36.152	33.028	43.973	17,5	17,5	16,0	21,3	

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018			Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)				Ghi chú
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Khối lượng nghiệm thu (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/KH	KLNT/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)= (5)/(4)	(10)= (6)/(4)	(11)= (7)/(4)	(12)= (8)/(4)	
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		83.749	28.556	28.556	23.705	35.784	34,1	34,1	28,3	42,7	
5.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	4	55.000	2.389	2.389	2.312	2.389	4,3	4,3	4,2	4,3	
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	5	68.000	5.207	5.207	7.011	5.800	7,7	7,7	10,3	8,5	
6	Thị xã Bến Cát	12	227.290	41.464	41.464	68.425	74.692	18,2	18,2	30,1	32,9	
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		102.890	24.836	24.836	38.771	32.422	24,1	24,1	37,7	31,5	
6.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	67.000	16.628	16.628	16.666	22.600	24,8	24,8	24,9	33,7	
6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	9	57.400	-	-	12.988	19.670	-	-	22,6	34,3	
7	Huyện Bàu Bàng	21	186.525	13.014	13.014	50.486	59.734	7,0	7,0	27,1	32,0	
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		78.525	9.448	9.448	17.522	9.448	12,0	12,0	22,3	12,0	
7.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	16	55.000	3.337	3.337	27.173	33.786	6,1	6,1	49,4	61,4	
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	5	53.000	229	229	5.791	16.500	0,4	0,4	10,9	31,1	
8	Huyện Phú Giáo	10	198.272	53.885	41.392	43.591	97.063	27,2	20,9	22,0	49,0	
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		93.272	36.681	29.075	31.275	41.335	39,3	31,2	33,5	44,3	
8.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	5	44.000	860	223	222	25.944	2,0	0,5	0,5	59,0	
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	5	61.000	16.344	12.094	12.094	29.784	26,8	19,8	19,8	48,8	
9	Huyện Dầu Tiếng	8	206.132	66.765	66.765	66.190	93.684	32,4	32,4	32,1	45,4	
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		102.532	36.891	36.891	36.711	46.523	36,0	36,0	35,8	45,4	
9.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	44.000	3.621	3.621	3.105	13.083	8,2	8,2	7,1	29,7	
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	5	59.600	26.253	26.253	26.374	34.078	44,0	44,0	44,3	57,2	



Phụ lục III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2018

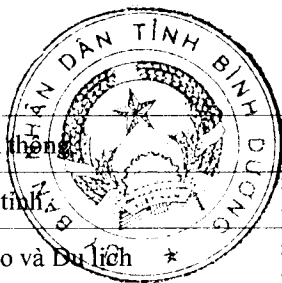
Phân theo các Chủ đầu tư (Nguồn vốn Ngân sách địa phương)

(Kèm theo Báo cáo số 127 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018			Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6 (CĐT)	Tỷ lệ (%)				Ghi chú
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Khối lượng nghiệm thu (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/KH	KLNT/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=5/4)	(10=6/4)	(11=7/4)	(12=8/4)	(13)
	TỔNG CỘNG	320	6.500.000	1.185.343	982.744	1.000.930	1.872.010	18,2%	15,1%	15,4%	28,8%	
A	09 Huyện, Thị xã, Thành phố	151	3.153.175	476.535	432.753	586.881	913.967	15,1%	13,7%	18,6%	29,0%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	24	391.575	40.988	40.188	41.451	134.232	10,5%	10,3%	10,6%	34,3%	
1.1	UBND Tp. Thủ Dầu Một	29	712.688	67.836	65.102	76.007	144.464	9,5%	9,1%	10,7%	20,3%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	2	181.000	24.901	24.901	24.900	56.401	13,8%	13,8%	13,8%	31,2%	
1.2	UBND thị xã Thuận An	13	450.685	54.428	53.036	58.064	87.963	12,1%	11,8%	12,9%	19,5%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	1	800	800	0	0	800	100,0%	0,0%	0,0%	100,0%	
1.3	UBND thị xã Dĩ An	17	420.683	59.954	57.496	59.551	65.308	14,3%	13,7%	14,2%	15,5%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	5	52.960	8.090	8.090	8.090	8.144	15,3%	15,3%	15,3%	15,4%	
1.4	UBND thị xã Tân Uyên	21	396.836	75.840	51.135	123.229	128.064	19,1%	12,9%	31,1%	32,3%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	5	9.500	0	0	151	151	0,0%	0,0%	1,6%	1,6%	
1.5	UBND huyện Bắc Tân Uyên	12	259.164	39.467	39.467	34.064	48.288	15,2%	15,2%	13,1%	18,6%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	3	52.415	3.315	3.315	1.036	4.315	6,3%	6,3%	2,0%	8,2%	

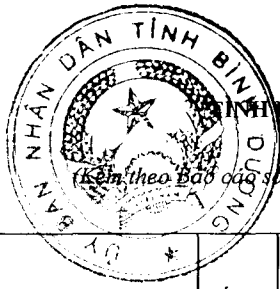
1.6	UBND thị xã Bến Cát	14	233.790	41.464	41.464	68.425	78.392	17,7%	17,7%	29,3%	33,5%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	2	6.500	0	0	0	3.700	0,0%	0,0%	0,0%	56,9%	
1.7	UBND huyện Bàu Bàng	23	237.125	13.409	13.409	50.881	160.620	5,7%	5,7%	21,5%	67,7%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	2	50.600	395	395	395	50.600	0,8%	0,8%	0,8%	100,0%	
1.8	UBND huyện Phú Giáo	12	228.972	57.372	44.879	50.437	107.084	25,1%	19,6%	22,0%	46,8%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	2	30.700	3.487	3.487	6.846	10.021	11,4%	11,4%	22,3%	32,6%	
1.9	UBND huyện Dầu Tiếng	10	213.232	66.765	66.765	66.223	93.784	31,3%	31,3%	31,1%	44,0%	
	<i>Trong đó: Vốn tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	2	7.100	0	0	33	100	0,0%	0,0%	0,5%	1,4%	
B	Các chủ đầu tư có tổng vốn trên 10 tỷ đồng	150	3.322.880	704.531	546.343	413.348	1.000.922	21,2%	16,4%	12,4%	30,1%	
2	Các Chủ đầu tư có tổng nguồn vốn trên 200 tỷ đồng	78	2.603.346	441.174	327.573	233.171	658.569	16,9%	12,6%	9,0%	25,3%	
2.1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	55	1.880.486	123.549	44.143	78.596	248.068	6,6%	2,3%	4,2%	13,2%	
2.2	Công an tỉnh	18	221.125	46.096	11.901	12.940	70.501	20,8%	5,4%	5,9%	31,9%	
2.3	Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	5	501.735	271.529	271.529	141.635	340.000	54,1%	54,1%	28,2%	67,8%	
3	Các Chủ đầu tư có tổng nguồn vốn từ 50 đến 200 tỷ đồng	40	483.035	208.606	170.566	160.185	259.583	43,2%	35,3%	33,2%	53,7%	
3.1	Cảnh sát PCCC	20	142.800	24.800	14.905	67.270	49.602	17,4%	10,4%	47,1%	34,7%	
3.2	Sở Nông nghiệp và PTNT	5	181.100	93.996	65.851	26.924	94.001	51,9%	36,4%	14,9%	51,9%	
3.3	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	13	78.835	55.332	55.332	34.102	59.132	70,2%	70,2%	43,3%	75,0%	
3.4	Đài Phát thanh truyền hình	2	80.300	34.478	34.478	31.889	56.848	42,9%	42,9%	39,7%	70,8%	
4	Các Chủ đầu tư có tổng nguồn vốn dưới 50 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	32	236.499	54.751	48.204	19.992	82.770	23,2%	20,4%	8,5%	35,0%	
4.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	5	39.971	0	0	67	209	0,0%	0,0%	0,2%	0,5%	
4.2	Trường cao đẳng Y tế	2	43.899	21.155	21.155	12.669	21.155	48,2%	48,2%	28,9%	48,2%	



4.3	Sở Thông tin truyền thông	2	21.500	21.600	21.600	420	24.700	100,5%	100,5%	2,0%	114,9%	
4.5	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	4	73.075	1.897	0	0	17.300	2,6%	0,0%	0,0%	23,7%	
4.6	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	16	19.554	282	282	284	2.119	1,4%	1,4%	1,5%	10,8%	
4.7	Liên đoàn lao động tỉnh	1	12.000	517	517	0	517	4,3%	4,3%	0,0%	4,3%	
4.16	Sở Xây dựng	1	10.000	0	0	0	500	0,0%	0,0%	0,0%	5,0%	
4.19	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh	1	16.500	9.300	4.650	6.552	16.270	56,4%	28,2%	39,7%	98,6%	
C	Các Chủ đầu tư có tổng nguồn vốn dưới 10 tỷ đồng	19	23.945	4.277	3.648	701	7.407	17,9%	15,2%	2,9%	30,9%	
4.4	Sở Tài Nguyên và Môi trường	4	4.615	3.648	3.648	65	3.648	79,0%	79,0%	1,4%	79,0%	
4.8	Văn phòng tỉnh ủy	1	2.200	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	
4.9	Tỉnh Đoàn Bình Dương	4	3.850	0	0	0	1.450	0,0%	0,0%	0,0%	37,7%	
4.10	Trường CĐ nghề Việt Nam- Singapore	2	1.000	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	
4.12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	3	6.080	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	
4.13	Báo Bình Dương	1	50	0	0	0	421	0,0%	0,0%	0,0%	842,0%	
4.14	Sở Khoa học và Công nghệ	1	150	0	0	0	288	0,0%	0,0%	0,0%	192,0%	
4.15	Bệnh viện Y học cổ truyền Bình Dương	1	2.000	629	0	636	1.600	31,5%	0,0%	31,8%	80,0%	
4.17	Sở Giao thông Vận tải	1	1.000	0	0	0	0	0	0		0,0%	
4.18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	3.000	0	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	

*Ghi chú: Nguồn vốn của 09 huyện, thị xã, thành phố bao gồm Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung do cấp huyện làm chủ đầu tư.

Tổng cộng có 34 Chủ đầu tư (09 huyện, thị và 25 chủ đầu tư khác)



Phụ lục IV

ĐÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2018
DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Báo cáo số 127/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

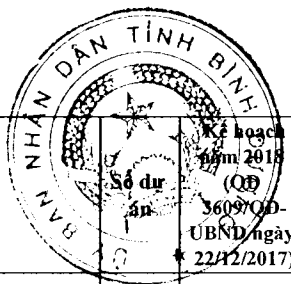
STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2018 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)			Tiến độ thực hiện
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
	TỔNG CỘNG	45	2.996.475	463.149	321.801	705.646	15,5%	10,7%	23,5%	
	VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG	34	1.914.970	260.996	160.774	474.754	13,6%	8,4%	24,8%	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	4	6.560	417	710	764	6,4%	10,8%	11,6%	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III)	3	5.360	417	417	471	7,8%	7,8%	8,8%	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	3	5.360	417	417	471	7,8%	7,8%	8,8%	
1	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bên xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K (khoảng 3.640m)	1	2.560	417	417	471	16,3%	16,3%	18,4%	Đang thẩm định KQLCNT
2	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	1	2.300	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Đang điều chỉnh dự án
3	Đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	1	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Đang phối hợp với TTPTQĐ để lập báo cáo dự án
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (B=I+II+III+IV)	1	1.200	0	293	293	0,0%	24,4%	24,4%	
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1	1200	0	293	293	0,0%	24,4%	24,4%	
4	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	1	1.200	0	293	293	0,0%	24,4%	24,4%	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	30	1.908.410	260.579	160.064	473.990	13,7%	8,4%	24,8%	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)	22	1.553.210	192.944	110.053	326.322	12,4%	7,1%	21,0%	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	15	1.018.230	55.124	56.168	162.726	5,4%	5,5%	16,0%	
5	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	1	28.000	7.673	7.673	7.673	27,4%	27,4%	27,4%	Chuẩn bị khởi công
6	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	1	20.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Đang điều chỉnh dự án

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2018 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)			Tiến độ thực hiện
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
7	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	1	163.000	12805	12.804	41.305	7,9%	7,9%	25,3%	Đơn vị Sông Lam: đã cơ bản hoàn thiện mố A cầu vòm, trụ T1, T2, tiếp tục thi công cọc khoan nhồi mố B, đổ bê tông dầm mũ đoạn kè cuối tuyến... tiến độ 35%. Đơn vị Ngọc Bảo: đang tiến hành khép me, đổ dầm mũ cọc... tiến độ 10%. Đơn vị Tây Hồ: đang thi công phần đường nội bộ của Trường Sĩ Quan Công binh, phần Bến Giang thuyền...tiến độ 15%
8	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	1	5.000	0	151	151	0,0%	3,0%	3,0%	Đã kê biên giai đoạn 2
9	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	1	18.000	12000	4.940	13.930	66,7%	27,4%	77,4%	- Đoạn 1,2,3 đang gửi hồ sơ cho đơn vị kiểm toán độc lập - Đoạn 5 Ban đang chuẩn bị các thủ tục nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng
10	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	1	27.500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	TTPTQĐ đang trình phê duyệt đơn giá đất đoạn cầu Bà Khâm - QL1A. Dự kiến Q3/2018 trình phê duyệt phương án bồi thường cho các hộ còn lại
11	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	1	11.260	8000	7.063	8.386	71,0%	62,7%	74,5%	Hiện đang thi công khối lượng đạt 90%
12	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	1	1.000	5	5	5	0,5%	0,5%	0,5%	Đã thi công hoàn thành, đưa vào sử dụng
13	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	1	26.800	8200	1.372	10.700	30,6%	5,1%	39,9%	- Ban đang hoàn tất các thủ tục để triển khai thi công các HM bổ sung - Thực hiện bù giá: Hiện đang chờ hướng dẫn của Sở Xây dựng để tổ chức thực hiện. - Đối với khối lượng đã hoàn thành đang hoàn tất các thủ tục để Bàn giao công trình đưa vào sử dụng và thực hiện kiểm toán, quyết toán công trình. - Gói thầu: Thi công xây lắp. HM: Đầu tư trước một số đoạn cống để thoát nước và đảm bảo ATGT trên ĐT744. Đã có kết quả đấu thầu, đang chuẩn bị các thủ tục theo quy định để khởi công.



STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2018 (QĐ)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018	Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2018 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)			Tiến độ thực hiện		
					KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)	Ước KLNT/KH đến 30/6			
14	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1	17.150	2.287	76	2.287	13,3%	0,4%	13,3%	- Dự án đã triển khai thi công hoàn thành trên những đoạn mặt bằng đã được giải tỏa; Ban đang thực hiện công tác nghiệm thu đưa dự án vào sử dụng theo hiện trạng và bàn giao dự án cho đơn vị quản lý khai thác - Chờ giải phóng mặt bằng phần hạ lưu thoát nước đoạn qua địa bàn xã Bình Mỹ và phần cầu Bình Cơ để tiếp tục thi công công trình theo kế hoạch - Dự kiến trong tháng 6/2018 chi tiền cho các hộ dân huyện Bắc Tân Uyên
15	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	1	63.730	4154	4.638	16.200	6,5%	7,3%	25,4%	- Đã có KQ LCNT tư vấn kiểm toán - GT: XD đường, HTTN đoạn Km0 - Km2. Mở thầu 23/5/2018. Dự kiến trong tháng 6/2018 có KQ LCNT - Gói 1 : TTPTQĐ đang thực hiện công tác GPMB. Ban đang tổ chức LCNT thi công xây dựng. - Gói 2 ; 4; 5 và 6: Đã bàn giao cho đơn vị quản lý sử dụng. - Gói 3: Đã nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng đoạn Km4+800 – Km6+000; đã thi công xong hạ lưu công hộp thay thế cầu Tân Lợi tại lý trình Km4+640 . - Giảm vốn do: Giảm chi phí đền bù
16	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	1	225.000	0	0	14.643	0,0%	0,0%	6,5%	Hiện đã bàn giao mặt bằng cho TCT Becamex
17	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	1	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Đang chờ TCT Becamex điều chỉnh lại thiết kế để Ban có cơ sở trình thẩm định và phê duyệt dự ánGPMB
18	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	1	326.290	0	17.446	17.446	0,0%	5,3%	5,3%	Hiện TTPTQĐ tỉnh đang triển khai công tác áp giá và lập dự thảo phương án bồi thường đối với hồ sơ tại phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An. phường Bình Hòa, An phú thị xã Thuận An Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 154 hồ sơ/94,994 tỷ đồng (thuộc thị xã Thuận An). Đối với phần diện tích đất Quốc phòng: Hiện TTPTQĐ đang phối hợp với công ty Becamex thực hiện điều chỉnh theo chủ trương số 240/UBND-KTTH ngày 19/01/2018 của UBND tỉnh.
19	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	1	85.000	0	0	30.000	0,0%	0,0%	35,3%	TTPTQĐ tiếp tục hoàn chỉnh việc áp giá và phê duyệt phương án đền bù cho các hộ dân còn lại
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	7	534.980	137.820	53.885	163.596	25,8%	10,1%	30,6%	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2018 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)			Tiến độ thực hiện
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
20	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	1	150.000	8710	8.710	30.000	5,8%	5,8%	20,0%	Đang thi công gói thầu ICB 03: mạng lưới thu gom khu vực Thuận An và ICB/04: Mạng lưới thu gom khu vực TDM
21	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	1	4.000	3150	3.150	4.000	78,8%	78,8%	100,0%	Đang triển khai thi công
22	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	1	9.050	2000	0	3.100	22,1%	0,0%	34,3%	- Hiện đang thi công những vị trí có mặt bằng khối lượng đạt 82,3%
23	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	1	75.000	17500	2.637	17.500	23,3%	3,5%	23,3%	Hiện nay đơn vị thi công đang triển khai thi công thăm địa học, các công ngang trên tuyến đường
24	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	1	100.000	5096	1.029	5.096	5,1%	1,0%	5,1%	Tổ chức bồi thường, TC XL gói 04
25	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đôn	1	80.000	88900	25.895	88.900	111,1%	32,4%	111,1%	G/quyết tồn tại bồi thường, TC XL 9 gói thầu
26	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Dĩ An	1	116.930	12464	12.464	15.000	10,7%	10,7%	12,8%	Đang thi công gói thầu BDAF-06: Xây dựng nhà máy xử lý nước thải. Chấn bị đấu thầu các gói thầu còn lại. Sở cắt giảm điều chuyển sang dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An - Thuận An - Tân Uyên
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	8	355.200	67.635	50.011	147.668	19,0%	14,1%	41,6%	
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	4	187.200	32.856	15.007	82.627	17,6%	8,0%	44,1%	
27	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	1	20.000	380	208	416	1,9%	1,0%	2,1%	Tư vấn thẩm tra đang thẩm tra BVTC-DT phần san nền, tuyến cây xanh, thoát nước và cấp nước phân điện chiếu sáng, thông tin liên lạc. Trình Sở XD thẩm định TKBVTC-DT
28	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	1	89.360	32.081	14.404	32.081	35,9%	16,1%	35,9%	Gói 01: khối lượng thi công đạt 21,4% theo hợp đồng, hiện đang tiếp tục triển khai thi công nền đường và hoàn thiện hệ thống thoát nước hai bên tuyến đường Lê Hồng Phong nối dài. - Gói 02: khối lượng thi công đạt 58,53% khối lượng theo hợp đồng, hiện đang tiếp tục triển khai thi công nền đường và hoàn thiện hệ thống thoát nước hai bên tuyến đường Đ4 và tuyến đường N1. - Gói 03: khối lượng thi công đạt 33% khối lượng theo hợp đồng, hiện đang tiếp tục triển khai thi công nền đường và hệ thống thoát nước hai bên tuyến đường Ven Suối và tuyến đường N2.
29	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	1	27.840	0	0	130	0,0%	0,0%	0,5%	Đã tạm ứng đủ KPBT cho TTPTQĐ thiết quyết định phê duyệt



STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QH)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2018 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)			Tiến độ thực hiện
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
30	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - Quy mô 100 giường bệnh-Nguồn NST	1	50.000	395	395	50.000	0,8%	0,8%	100,0%	Dự kiến 17/5/2018 mở thầu xây lắp, dự kiến tháng 6/2018 khởi công
II	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH	2	89.400	34.478	34.734	63.464	38,6%	38,9%	71,0%	
31	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	1	80.000	34.478	31.889	56.848	43,1%	39,9%	71,1%	Dự kiến 15/6/ nghiệm thu 100% thiết bị giai đoạn 1. Nếu Ban tỉnh hoàn thành đấu nối điện trong tháng 5/2018 thì dự kiến tháng 7/2018 có thể đưa vào vận hành giai đoạn 1
32	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	1	9.400	0	2.845	6.616	0,0%	30,3%	70,4%	- Đang chờ kết nối điện để hoàn thành gói thầu Cung cấp lắp đặt ghế ngồi và nghiệm thu hoàn thành - GT: Kiểm toán. Đang phê duyệt HSMT, chuẩn bị phát hành HSMT và tổ chức đấu thầu. Dự kiến có kết quả trong tháng 7/2018.
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	1	78.000	301	270	301	0,4%	0,3%	0,4%	
33	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu Đ	1	78.000	301	270	301	0,4%	0,3%	0,4%	Triển khai đấu thầu thiết kế thi công phần móng và bề tượng và các hạng mục bổ sung, mở thầu ngày 2/5 dự kiến trong tháng 6/2018 có kết quả. Đang thi công đút tượng đài
IV	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH	1	600	0	0	1.276	0,0%	0,0%	212,7%	
34	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	1	600	0	0	1.276	0,0%	0,0%	212,7%	- Công trình đã nghiệm thu hoàn thành. Đơn vị thi công đang khắc phục một số tồn tại theo biên bản kiểm tra của Phòng Quản lý đô thị Thủ Dầu Một và các Sở, ngành trước khi bàn giao cho đơn vị quản lý sử dụng. Đang trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh
	VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT	4	986.905	143.214	131483	194.470	14,5%	13,3%	19,7%	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	2	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	
I	GIÁO DỤC	2	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	
35	Trường THCS tạo nguồn Phú Giáo	1	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	khảo sát lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
36	Trường THCS Tạo nguồn TP. Thủ Dầu Một	1	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Lập thủ tục chuẩn bị đầu tư
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	2	985.905	143.214	131483	194.470	14,5%	13,3%	19,7%	
I	GIÁO DỤC	1	647.200	140.314	131.343	191.089	21,7%	20,3%	29,5%	
37	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn xổ số)	1	647.200	140.314	131.343	191.089	21,7%	20,3%	29,5%	
II	Y TẾ	1	338.705	2.900	140	3.381	0,9%	0,0%	1,0%	

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2018 (CĐT)	So sánh tỷ lệ (%)			Tiến độ thực hiện
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KLTH/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
38	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường	1	338.705	2.900	140	3.381	0,9%	0,0%	1,0%	Đang thi công hoàn chỉnh phần móng. Đang tổ chức đấu thầu thi công cung cấp và lắp đặt các hệ thống kỹ thuật (gói thầu số 1); gói thầu số 2.
	VỐN TÌNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN	4	93.400	31.140	29332	36.210	33,3%	31,4%	38,8%	
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	1	40.000	1.370	1289	1.370	3,4%	3,2%	3,4%	
I	Y TẾ	1	40.000	1.370	1.289	1.370	3,4%	3,2%	3,4%	
39	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn 1: 60 giường	1	40.000	1.370	1.289	1.370	3,4%	3,2%	3,4%	Đang tổ chức thiết kế bản vẽ thi công; dự kiến 6 tháng cuối năm khởi công hoàn thành
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	3	53.400	29770	28.043	34.840	55,7%	52,5%	65,2%	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	1	3.000	100	100	170	3,3%	3,3%	5,7%	
40	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	1	3.000	100	100	170	3,3%	3,3%	5,7%	Đã thi công hoàn thiện công trình 99%
II	GIÁO DỤC	1	41.400	29.670	27.943	29.670	71,7%	67,5%	71,7%	
41	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn tình hỗ trợ cấp huyện)	1	41.400	29.670	27.943	29.670	71,7%	67,5%	71,7%	
III	VĂN HÓA - THÔNG TIN	1	9.000	0	0	5.000	0,0%	0,0%	55,6%	
42	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	1	9.000	0	0	5.000	0,0%	0,0%	55,6%	Đang thi công sơn hoàn thiện, lắp đặt thiết bị. Tiến độ 90%
	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ CHO CẤP HUYỆN	3	1.200	27.799	212	212	2316,6%	17,7%	17,7%	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	3	1.200	27.799	212	212	2316,6%	17,7%	17,7%	
I	VĂN HÓA - THÔNG TIN	1	200	9.799	0	0	4899,5%	0,0%	0,0%	
43	Cải tạo nhà tang lễ thị xã Thuận An	1	200	9.799			4899,5%	0,0%	0,0%	Đã thanh toán hết khối lượng nghiệm thu
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	1	1.000	18.000	212	212	1800,0%	21,2%	21,2%	
45	Giao lộ ngã tư Cây Me	1	1.000	18.000	212	212	1800,0%	21,2%	21,2%	Thoát nước và xây kè còn lại 30m do vướng giải tỏa. Thi công mặt đường BTN lớp 1, đắp sỏi dỏ lè, lát gạch vỉa hè, đổ bê tông dải phân cách. Tiến độ: 80%. Đang trình P.QLĐT thẩm định hồ sơ TKBVTC-DT điều chỉnh (Tờ trình số 328/TTr-BQLDA ngày 02/10/2017).



Phụ lục V
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2018
DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀN BÙ

Kèm theo Báo cáo số 127 /BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2018 (QĐ 3609/QĐ-UBND ngày 22/12/2017)	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2018		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2018	So sánh tỷ lệ (%)			Tiến độ thực hiện
				KL thực hiện	Giải ngân		KLTH/KH	GTGN/KH	Ước KLNT/KH đến 30/6	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	10	849.130	0	17.597	82.370	0,0%	2,1%	9,7%	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)	9	821.290	0	17.597	82.240	0,0%	2,1%	10,0%	
1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	9	821.290	0	17.597	82.240	0,0%	2,1%	10,0%	
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	1	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Đang chờ TCT Becamex điều chỉnh lại thiết kế để Ban có cơ sở trình thẩm định và phê duyệt dự án GPMB
2	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	1	150.000	0	0	20.000	0,0%	0,0%	13,3%	Đơn vị tư vấn đang bàn giao mốc GPMB. Dự kiến Q3/2018 tiến hành áp giá, thực hiện chi trả tiền cho các hộ dân
3	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ đốc Cây Quáo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh	1	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Đã chi trả 181/188 hộ
4	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến đốc Cây Quáo	1	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	Đã chi trả 1.060/1.062 hộ
5	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh	1	5.000	0	151	151	0,0%	3,0%	3,0%	Đã kê biên giai đoạn 2
6	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	1	27.500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	TTPTQĐ đang trình phê duyệt đơn giá đất đoạn cầu Bà Khâm - QL1A. Dự kiến Q3/2018 trình phê duyệt phương án bồi thường cho các hộ còn lại
7	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	1	225.000	0	0	14.643	0,0%	0,0%	6,5%	Hiện đã bàn giao mặt bằng cho TCT Becamex

8	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	1	326.290	0	17.446	17.446	0,0%	5,3%	5,3%	Hiện TTPTQĐ tỉnh đang triển khai công tác áp giá và lập dự thảo phương án bồi thường đối với hồ sơ tại phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An. phường Bình Hòa, An phú thị xã Thuận An. Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 154 hồ sơ/94,994 tỷ đồng (thuộc thị xã Thuận An). Đối với phần diện tích đất Quốc phòng: Hiện TTPTQĐ đang phối hợp với công ty Becamex thực hiện điều chỉnh theo chủ trương số 240/UBND-KTTH ngày 19/01/2018 của UBND tỉnh.
9	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	1	85.000	0	0	30.000	0,0%	0,0%	35,3%	TTPTQĐ tiếp tục hoàn chỉnh việc áp giá và phê duyệt phương án đền bù cho các hộ dân còn lại
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	1	27.840	0	0	130	0,0%	0,0%	0,5%	
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1	27.840	0	0	130	0,0%	0,0%	0,5%	
10	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	1	27.840	0	0	130	0,0%	0,0%	0,5%	Đã tạm ứng đủ KPBT cho TTPTQĐ thiết quyết định phê duyệt

Phụ lục VI
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017
KÉO DÀI THỜI GIAN GIẢI NGÂN SANG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 121/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Vốn kéo dài thời gian giải ngân 2017 sang 2018	Giải ngân đến ngày 31/5	Tỷ lệ giải ngân	Chủ đầu tư
	TỔNG CỘNG	427.580	75.103	18%	
I	Vốn ngân sách tỉnh tập trung	320.895	75.103	23%	
1	Bồi thường đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài ra khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	40.101	8.722	22%	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749A đoạn từ Ngã ba Minh Tân đến Ngã ba Minh Thanh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	324			
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh, dài 5.947 m, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	594			
4	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)-Vốn ngân sách tỉnh tập trung	21.361			
5	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sông Thần)	28.194			
6	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	94.864			
7	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	1.445			
8	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	7.095	6.476	91%	
9	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	8.410			
10	Trung tâm Văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	2.026			Liên đoàn lao động tỉnh
11	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên	106.972	56.732	53%	Công ty CP nước - Môi trường Bình Dương
12	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	9.509	3.173	33%	
II	Vốn xổ số kiến thiết	106.685			
13	Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	3.460			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
14	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng) - Vốn XSKT	103.225			

Ghi chú:

- Công văn số 644/UBND-KTTH ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian giải ngân dự án đầu tư công

- Công văn số 1304/UBND-KTTH ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử lý chuyển tiếp Kế hoạch đầu tư công năm 2017 và các dự án kéo dài thời gian giải ngân của Kế hoạch đầu tư công năm 2016.